

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám răng hàm mặt Nha khoa Jet thuộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ An Việt HP

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám răng hàm mặt Nha khoa Jet thuộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ An Việt HP (Mã hồ sơ: H24.18-260122-180048);

Căn cứ Biên bản thẩm định và Biên bản sau khắc phục của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định số 350/QĐ-SYT ngày 26/01/2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý hành nghề Y dược, Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Phòng khám răng hàm mặt Nha khoa Jet thuộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ An Việt HP;

- Địa chỉ: BH01-46 KĐT Vinhomes Imperia, đường Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;

- Hình thức tổ chức: Phòng khám Răng hàm mặt;

- Số GPHĐ: 001647/HP-GPHĐ do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Hoàng Thị Thương;

Số CCHN: 0005313/PT-CCHN do Sở Y tế Phú Thọ cấp ngày 07/12/2018;

- Thời gian hoạt động: Sáng từ 8 giờ 00 đến 12 giờ 00 và chiều từ 14 giờ 00 đến 19 giờ 00 từ Thứ Hai đến Chủ nhật.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt và thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt.

- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 107 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Phòng khám răng hàm mặt Nha khoa Jet thuộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ An Việt HP có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Phòng khám răng hàm mặt Nha khoa Jet thuộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ An Việt HP chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD, PGD Tr.Q.Trinh, PGD Ng.T.T.Chính;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHNYD (02).

GIÁM ĐỐC



Lê Minh Quang

**Phụ lục: Phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại Phòng khám răng hàm
mặt Nha khoa Jet thuộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ An Việt HP**

(Kèm theo Quyết định số: 1318 /QĐ-SYT ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
2	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
3	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
4	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
5	14359	16.44	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
6	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
7	14368	16.53	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay
8	14369	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
9	14370	16.55	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy
10	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
11	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
12	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
13	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
14	14375	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
15	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
16	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
17	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
18	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
19	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
20	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
21	14386	16.73	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
22	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
23	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
24	14391	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
25	14394	16.81	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng nội tủy
26	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
27	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
28	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
29	14398	16.85	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
30	14407	16.94	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
31	14400	16.87	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
32	14401	16.88	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
33	14402	16.89	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
34	14403	16.90	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
35	14404	16.91	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
36	14405	16.92	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
37	14408	16.95	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
38	14407	16.94	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
39	14408	16.95	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng ốc vít trên Implant
40	14409	16.96	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon gắn bằng ốc vít trên Implant
41	14410	16.97	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
42	14411	16.98	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
43	14412	16.99	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
44	14413	16.100	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ kim loại quý gắn bằng cement trên Implant
45	14414	16.101	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
46	14415	16.102	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng cúc bấm tựa trên Implant
47	14416	16.103	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả toàn phần dạng thanh ngang tựa trên Implant
48	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
49	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
50	14419	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
51	14420	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
52	14421	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
53	14422	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
54	14423	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cần sứ
55	14424	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
56	14425	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
57	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
58	14427	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
59	14428	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần sứ
60	14429	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
61	14430	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cần sứ

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
62	14431	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
63	14432	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
64	14433	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
65	14434	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
66	14435	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý
67	14436	16.123	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại
68	14437	16.124	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay hợp kim Titanium
69	14438	16.125	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại quý
70	14439	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần
71	14440	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp
72	14441	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
73	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
74	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
75	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
76	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
77	14446	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
78	14447	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium
79	14448	16.135	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hở mặt nhai
80	14449	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
81	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
82	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
83	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
84	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
85	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
86	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
87	14533	16.220	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
88	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
89	14535	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
90	14536	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
91	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
92	14538	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
93	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
94	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement
95	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
96	14542	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
97	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
98	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
99	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
100	14546	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
101	14547	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
102	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
103	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
104	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
105	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
106	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
107	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)

Tổng số 107 danh mục kỹ thuật./